

ỨNG DỤNG PHƯƠNG THỨC TRỰC TUYẾN VÀO VIỆC THU THẬP CHỨNG CỨ CỦA TÒA ÁN

NGUYỄN THỊ HOÀI TRÂM

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: nthtram@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Trong phạm vi bài viết, tác giả sẽ phân tích pháp luật Việt Nam hiện hành với những quy định có liên quan đến việc thu thập chứng cứ của Tòa án thông qua phương thức trực tuyến, đồng thời đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của pháp luật Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Từ khóa: thu thập chứng cứ, Tòa án, phương thức trực tuyến

Abstract: Within the scope of the article, the author will analyze current Vietnamese law with regulations related to the collection of evidence by the Court through online methods. Upon these analysis, the author suggests improving legal regulations on this issue based on the experience of the law of the People's Republic of China.

Keywords: collecting evidence, Court, online method

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.222>

Ngày nhận bài: 25/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

Với vai trò là cơ quan xét xử, hệ thống Tòa án đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động cải cách tư pháp, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong thời đại kỹ thuật số, thúc đẩy toàn diện việc chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Tòa án điện tử với mục tiêu “mọi nghiệp vụ thực hiện trực tuyến, mọi quy trình thực hiện công khai, mọi xử lý được ứng dụng công nghệ” nhằm nâng cao hiệu quả, tăng cường tính chuyên nghiệp, công khai, minh bạch hoạt động của Tòa án.¹ Với tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, pháp luật tố tụng đã thừa nhận giá trị chứng cứ là thông điệp dữ liệu điện tử.² Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các quy định về việc Tòa án thu thập chứng cứ thông qua phương thức trực tuyến trong tương lai là điều cần thiết đối với nhà lập pháp.

1 Nguyễn Hòa Bình, “Xây dựng Tòa án điện tử tại Việt Nam trong thời gian qua và những định hướng, giải pháp trong thời gian tới”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 2023, <https://tapchitoaan.vn/xay-dung-toa-an-dien-tu-tai-viet-nam-trong-thoi-gian-qua-va-nhung-dinh-huong-giai-phap-trong-thoi-gian-toi9273.html>, truy cập ngày 20/5/2024.

2 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015); Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của BLTTDS năm 2015, Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử (Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP).

Bài viết nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật khác có liên quan về việc thu thập chứng cứ của Tòa án nhằm đưa ra những kiến nghị xây dựng trình tự thu thập, xác định tính xác thực và toàn vẹn của chứng cứ khi được Tòa án thu thập thông qua phương thức trực tuyến trên cơ sở tham khảo quy định pháp luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).

1. Quy định của pháp luật Việt Nam về ứng dụng phương thức trực tuyến vào việc thu thập chứng cứ của Tòa án

1.1. Khái niệm hoạt động thu thập chứng cứ

Chứng cứ là những thông tin, tài liệu, hay những gì có thật được các chủ thể thu thập, kiểm tra và đánh giá theo quy định của pháp luật nhằm mục đích giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự. Chứng cứ có thể là những tin tức, dấu vết liên quan đến các tình tiết, sự kiện của vụ việc dân sự được Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ việc dân sự. Nhằm giúp cho mọi chủ thể có thể nhận thức được thì chứng cứ phải được ghi lại, phản ánh lại dưới những hình thức cụ thể như bản hợp đồng, bản di chúc, băng ghi âm, ghi hình...³. Theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) năm 2015, chứng cứ là những gì có thật được đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng; hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do BLTTDS năm 2015 quy định, và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ việc cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.

Trong nghiên cứu khoa học pháp lý, nhiều tác giả đã đưa ra khái niệm khác nhau về “thu thập chứng cứ”. Có tác giả cho rằng: “Thu thập chứng cứ là một hành vi tố tụng của cả đương sự, Viện kiểm sát và Tòa án trong việc tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp”,⁴ hoặc: “Thu thập chứng cứ được hiểu là hoạt động tố tụng dân sự (TTDS) của các chủ thể chứng minh trong việc phát hiện và ghi nhận; thu giữ và bảo quản chứng cứ bằng các phương pháp, biện pháp theo một trình tự, thủ tục do pháp luật TTDS quy định”.⁵ Những quan điểm này cho thấy việc thu thập chứng cứ là cách thức để có được chứng cứ, sau khi có được chứng cứ từ việc thu thập sẽ đến hoạt động đánh giá chứng cứ và bảo quản chứng cứ.

3 Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, 2019, tr. 169.

4 Tuồng Duy Lượng, “Một vài suy nghĩ về vấn đề chứng cứ và chứng minh được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 20, 2004, tr. 5.

5 Nguyễn Minh Hằng, “Tập quán – Nguồn luật hay nguồn chứng cứ”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 9, 2004, tr. 20.

Trong TTDS, “thu thập chứng cứ” là hoạt động của các chủ thể chứng minh, được tiến hành theo trình tự thủ tục do pháp luật TTDS quy định. Bản chất của hoạt động “thu thập chứng cứ” là việc phát hiện, tìm ra các chứng cứ, tập hợp, đưa vào hồ sơ vụ việc dân sự để nghiên cứu, đánh giá và sử dụng giải quyết vụ việc dân sự.⁶ Nếu không có hoạt động thu thập chứng cứ sẽ không thể xác định được chứng cứ, từ đó sẽ không có căn cứ để giải quyết vụ việc dân sự. Hoạt động thu thập chứng cứ nhằm xác định sự thật khách quan của vụ việc, và quá trình thực hiện việc thu thập chứng cứ cũng thể hiện được sự khách quan trong quy trình giải quyết vụ việc của Tòa án nhân dân (TAND). Cụ thể, Điều 97 BLTTDS năm 2015, Điều 15 Luật Tổ chức TAND năm 2024 đã quy định các biện pháp để cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân và Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ. Quy định này nhằm bảo đảm các chủ thể phải áp dụng những biện pháp được ghi nhận trong BLTTDS năm 2015 và Luật Tổ chức TAND năm 2024 để thực hiện việc thu thập chứng cứ, cũng như loại trừ những hành vi trái quy định để có được chứng cứ.

Vì vậy, có thể hiểu “thu thập chứng cứ” là hoạt động TTDS của các chủ thể chứng minh trong việc phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ bằng các phương pháp, biện pháp theo một trình tự thủ tục do pháp luật TTDS quy định.

1.2. Sự cần thiết về việc thu thập chứng cứ của Tòa án

Về nguyên tắc, khi tham gia tố tụng, các đương sự có đưa ra yêu cầu hoặc phản đối yêu cầu thì phải có nghĩa vụ thu thập, cung cấp và giao nộp chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu hay sự phản đối của mình là có căn cứ, hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.⁷ Sau khi tiếp nhận chứng cứ, Tòa án có trách nhiệm xem xét các tình tiết của vụ việc và căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết theo yêu cầu hoặc sự phản đối của đương sự.

Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, vẫn có nhiều đương sự còn hạn chế về kiến thức pháp luật. Đặc biệt, đương sự ở vùng nông thôn và miền núi có trình độ học vấn tương đối thấp, điều kiện kinh tế khó khăn nên hầu như không có khả năng nhờ luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.⁸ Do đó, khi có tranh chấp xảy ra, các đương sự không thể xác định các tài liệu, chứng cứ cần thiết và biện pháp thu thập các chứng cứ đó nhằm cung cấp cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Hoặc có những trường hợp, các loại tài liệu,

6 Trường Đại học Luật Hà Nội, *tlđđ*, tr. 153.

7 Điều 91 BLTTDS năm 2015.

8 Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thị Hạnh, “Vai trò của Thẩm phán trong thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ giải quyết vụ án dân sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4, 2012, tr. 42.

chứng cứ đương sự cần thu thập do một số cơ quan Nhà nước có trách nhiệm bảo quản, quản lý. Trong rất nhiều vụ án, mặc dù đương sự đã tốn nhiều công sức, thời gian đi lại nhằm yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ việc dân sự để họ giao nộp cho Tòa án, nhưng đều bị từ chối với nhiều lý do; hoặc các cơ quan, tổ chức cung cấp không đầy đủ, không chính xác, không đúng thời hạn.⁹ Điều này đòi hỏi phải có sự can thiệp của Nhà nước, cụ thể là Tòa án.

Với tính chất là cơ quan xét xử, Tòa án có chức năng thực hiện quyền tư pháp để thực thi nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bằng hoạt động của mình, góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác; xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật.¹⁰ Chính vì vậy, BLTTDS năm 2015 và Luật Tổ chức TAND năm 2024 quy định việc Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ là hợp lý.¹¹

Khi thu thập chứng cứ, ngoài việc phải xác định các chứng cứ cần thu thập của vụ việc, Tòa án cần xác định các chứng cứ đương sự đã cung cấp cho Tòa án, chứng cứ đương sự đã tự mình thu thập bằng các biện pháp cần thiết nhưng không thể thực hiện được và có đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập. Tùy từng loại tranh chấp, yêu cầu cụ thể, tùy thuộc vào các chứng cứ cần phải thu thập mà Thẩm phán áp dụng các biện pháp phù hợp để thu thập chứng cứ. Theo khoản 2 Điều 97 BLTTDS năm 2015, Tòa án có thể tiến hành một hoặc một số biện pháp sau đây để thu thập tài liệu, chứng cứ: lấy lời khai của đương sự, người làm chứng; đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng; trưng cầu giám định; định giá tài sản; xem xét, thẩm định tại chỗ; ủy thác thu thập, xác minh tài liệu, chứng cứ; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu đọc được, nghe được, nhìn được hoặc hiện vật khác liên quan đến việc giải quyết vụ việc

9 Thiều Hữu Minh, “Nghĩa vụ thu thập chứng cứ thuộc đương sự hay Tòa án?”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, 2023, <https://lsvn.vn/ngghi-a-vu-thu-tha-p-chu-ng-cu-thuo-c-duong-su-hay-to-a-a-n-1701310413.html>, truy cập ngày 20/4/2024.

10 Điều 2 Luật Tổ chức TAND năm 2024.

11 Điều 6 BLTTDS năm 2015, Điều 15 Luật Tổ chức TAND năm 2024.

dân sự; xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú; các biện pháp khác.

1.3. Quy định của pháp luật hiện hành về việc thu thập chứng cứ của Tòa án thông qua phương thức trực tuyến

Ứng dụng phương thức trực tuyến vào việc thu thập chứng cứ là việc sử dụng các thiết bị điện tử, liên kết với nhau thông qua môi trường mạng nhằm thu thập những tài liệu chứng cứ của vụ việc dân sự. Những loại tài liệu, chứng cứ được thu thập bằng phương thức này gọi là thông điệp dữ liệu điện tử.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023, “thông điệp dữ liệu” là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.¹² Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ chỉ vì đó là một thông điệp điệp dữ liệu, hay nói cách khác, thông điệp dữ liệu có giá trị chứng cứ và giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, lưu trữ hoặc truyền gửi thông điệp dữ liệu; cách thức bảo đảm và duy trì tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác. Bên cạnh đó, khoản 7 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 còn quy định về nguồn chứng cứ dưới dạng “dữ liệu điện tử”, đó là dữ liệu được tạo ra, xử lý, lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

Theo pháp luật TTDS, “thông điệp dữ liệu điện tử” được quy định là một trong những chứng cứ được sử dụng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự và thông điệp dữ liệu điện tử được xác định là chứng cứ nếu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.¹³ Hoặc “thông điệp dữ liệu điện tử” được hiểu là dữ liệu điện tử được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử từ đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng đã được ban hành theo quy định của pháp luật.¹⁴

Như vậy, theo quy định của pháp luật TTDS và pháp luật về giao dịch điện tử thì những văn bản quy phạm pháp luật trên chỉ mới đề cập: (i) các khái niệm như: “thông điệp dữ liệu”, “dữ liệu điện tử”, “thông điệp dữ liệu điện tử”; (ii) nguyên tắc không phân biệt về giá trị pháp lý giữa chứng cứ truyền thống và chứng cứ điện tử, tiêu chí xác định giá

12 Theo khoản 2 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023, “phương tiện điện tử” là phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ khác tương tự.

13 Khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015.

14 Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2016.

trị chứng cứ của dữ liệu điện tử; (iii) cách thức người khởi kiện lập và gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử; (iv) việc nhận và xử lý đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng mô hình Tòa án điện tử, các văn bản như Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến và Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của TANDTC-VKSNDTC-Bộ Công an-Bộ Quốc phòng-Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến được ban hành, nhưng cũng chỉ quy định hướng dẫn về trình tự, thủ tục về việc tổ chức phiên tòa trực tuyến. Vì vậy, BLTTDS năm 2015 và các văn bản có liên quan hiện nay chưa quy định cụ thể về việc Tòa án thu thập chứng cứ bằng phương thức trực tuyến.

2. Quy định pháp luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về ứng dụng phương thức trực tuyến trong việc thu thập chứng cứ của Tòa án

Theo quy định của pháp luật TTDS Trung Quốc, thông điệp dữ liệu điện tử được tạo ra từ internet và mạng xã hội là một trong tám loại chứng cứ được pháp luật TTDS Trung Quốc công nhận. Phương thức thu thập và xác minh chứng cứ thông qua công nghệ chuỗi khối (*blockchain*) được áp dụng nhiều bởi các Tòa án Trung Quốc.¹⁵ Dựa trên dấu thời gian (*timestamp*), việc thu thập chứng cứ thông qua công nghệ chuỗi khối sẽ nâng cao độ tin cậy. Các nguyên tắc thu thập và xác minh chứng cứ thông qua công nghệ chuỗi khối như sau:

Các bên truyền tải thông điệp dữ liệu điện tử lên nền tảng công nghệ chuỗi khối, nền tảng này sẽ tạo dấu thời gian của thông điệp dữ liệu điện tử và sau đó lưu trữ các bản sao của chúng trong máy chủ dưới sự phối hợp của nhiều nền tảng khác nhau. Dưới sự ràng buộc của cơ chế đồng thuận chuỗi khối, mọi thay đổi đối với dấu thời gian cần phải được mỗi nền tảng đồng ý, ghi lại và không nền tảng nào có thể giả mạo dấu thời gian. Do đó, khả năng chứng minh của dấu thời gian đã được tăng thêm thông qua công nghệ chuỗi khối.

Điều đáng chú ý là ba Tòa án internet ở Trung Quốc đã tự xem mỗi Tòa án là một nút trên chuỗi và hợp tác với các tổ chức chuỗi khối khác nhau để xây dựng hệ thống xác minh chuỗi khối của riêng họ. Điển hình là “chuỗi số dư” do Tòa án internet Bắc Kinh thiết lập,

15 Deng Heng, Wang Wei, “Research on the identification mechanism of electronic data evidence in litigation procedures”, *Journal of Hunan University of Technology (Social Sciences Edition)*, Vol. 3(26), 2021, tr. 78-86.

các bên có thể yêu cầu nền tảng chuỗi khối lưu trữ thông điệp dữ liệu điện tử và giá trị của nó trên “chuỗi số du” và cấp số xác minh tương ứng cho các bên. Sau khi các bên gửi số xác minh và thông điệp dữ liệu điện tử gốc, Tòa án internet có thể tự động xác minh tính xác thực và thời gian tạo dữ liệu điện tử. Ngoài “chuỗi cân bằng”, “chuỗi liên minh” được phát triển bởi Ant Chain TaaS và được truy cập bởi Tòa án internet Hàng Châu, “Chuỗi pháp lý internet” do Tòa án internet Quảng Châu thành lập cũng có chức năng như vậy. Điều này đã nâng cao đáng kể hiệu quả của việc kiểm tra chứng cứ. Dựa trên kinh nghiệm thành công về xác minh chuỗi khối của các Tòa án internet, một số Tòa án địa phương cũng đã thiết lập hệ thống xác thực chuỗi khối. Hiện tại, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) của nước này cũng đang thành lập “Chuỗi tư pháp” cho các Tòa án trên toàn quốc. Điều này cho thấy việc thu thập và bảo quản chứng cứ thông qua công nghệ chuỗi khối có thể được sử dụng rộng rãi hơn tại các Tòa án Trung Quốc trong tương lai.¹⁶

Xét về ưu điểm, việc thu thập chứng cứ thông qua công nghệ chuỗi khối giúp tiết kiệm chi phí và tạo sự thuận lợi cho các bên đương sự. Tuy nhiên, hiện nay cách thức này vẫn còn tồn tại một số hạn chế về mặt kỹ thuật. Cụ thể, việc thu thập chứng cứ thông qua công nghệ chuỗi khối chỉ có thể đảm bảo rằng thông điệp dữ liệu điện tử không thể bị giả mạo và xóa sau khi được bảo quản trên chuỗi khối. Trường hợp thông điệp dữ liệu điện tử là “giả” trước khi được bảo quản thì thực tế thông điệp dữ liệu điện tử đó không có độ tin cậy. Thực tế cho thấy nhiều trường hợp Tòa án thừa nhận giá trị chứng minh của những chứng cứ được thu thập thông qua công nghệ chuỗi khối. Tuy nhiên, phương pháp thu thập này vẫn cần phải được thử nghiệm để đảm bảo độ chính xác tuyệt đối.

3. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về ứng dụng phương thức trực tuyến vào việc thu thập chứng cứ của Tòa án

3.1. Bảo đảm tính thống nhất về tên gọi “chứng cứ” và “chữ ký” trong quá trình thu thập và giao nộp chứng cứ bằng phương tiện điện tử

Thứ nhất, về sự thống nhất quy định tên gọi chứng cứ nếu được thu thập bằng phương tiện điện tử, hiện nay, quy định của BLTTDS năm 2015, Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP, và Luật Giao dịch điện tử năm 2023 chưa thể hiện được điều này.

16 Bi Yuqian, Liu Jinhua, Du Wen, Tao Zhirong, Liu Pengfei, Li Xiaokai, Zhao Fengbao, *Research on the rules of electronic data evidence in civil litigation*, China University of Political Science and Law Press, 2016, tr. 108.

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 94 BLTTDS năm 2015, nguồn của những chứng cứ được thu thập và giao nộp bằng phương tiện điện tử được xác định với tên gọi là “dữ liệu điện tử”. Việc xác định chứng cứ được tìm thấy, được rút ra từ nguồn chứng cứ là “dữ liệu điện tử” được thực hiện theo khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 với cách thức như sau: “thông điệp dữ liệu điện tử” được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Tương tự, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP cũng quy định “thông điệp dữ liệu điện tử trong TTDS” là dữ liệu điện tử được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử từ đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng đã được ban hành theo quy định của pháp luật. Như vậy, BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP đều xác định “chứng cứ” được thu thập và giao nộp bằng phương tiện điện tử với tên gọi là “thông điệp dữ liệu điện tử”.

Liên hệ với pháp luật về giao dịch điện tử, tác giả nhận thấy có sự tương đồng giữa BLTTDS năm 2015 và Luật Giao dịch điện tử năm 2023 khi xác định tên gọi “dữ liệu điện tử” là nguồn chứng cứ. Cụ thể, theo khoản 7 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định “dữ liệu điện tử” là dữ liệu được tạo ra, xử lý, lưu trữ bằng phương tiện điện tử. “Dữ liệu điện tử” được xác định là nguồn chứng cứ, chứa đựng chứng cứ. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 xác định tên gọi chứng cứ là “thông điệp dữ liệu” nếu đó là thông tin được tạo ra, được gửi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử và được dùng làm chứng cứ theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và pháp luật về tố tụng. Như vậy, câu hỏi đặt ra là chứng cứ được thu thập và giao nộp bằng phương tiện điện tử với tên gọi là “thông điệp dữ liệu điện tử” theo BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP có cách hiểu tương đồng với chứng cứ có tên gọi là “thông điệp dữ liệu” được quy định trong Luật Giao dịch điện tử năm 2023 hay không? Vì quy định của các văn bản trên vẫn chưa thống nhất nên có thể dẫn đến nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này.

Để đảm bảo tính minh bạch của pháp luật, nhà làm luật cần cân nhắc về việc sửa đổi khoản 3 Điều 95 BLTTDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành về tên gọi “chứng cứ” được thu thập bằng phương tiện điện tử nhằm đảm bảo tính tương xứng với Luật Giao dịch điện tử năm 2023, giúp cho quá trình áp dụng pháp luật được thống nhất.

Thứ hai, về sự thống nhất sử dụng thuật ngữ về chữ ký, hiện nay, theo quy định của các văn bản pháp luật về việc người khởi kiện, người tham gia tố tụng nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án bằng phương thức trực tuyến, tác giả nhận thấy có sự không thống nhất về thuật ngữ “chữ ký” mà người tham gia tụng cần phải có. Cụ thể:

Theo Điều 5 Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP thì người khởi kiện, người tham gia tố tụng lựa chọn gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử với Tòa án phải có các điều kiện sau: (i) có địa chỉ thư điện tử để gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử đến và đi từ cổng thông tin điện tử của Tòa án; (ii) có “chữ ký điện tử” được chứng thực bằng chứng thư điện tử đang còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận; (iii) đã đăng ký giao dịch thành công; (iv) đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và hướng dẫn tại nghị quyết này.

Tuy nhiên, theo hướng dẫn của TANDTC về việc thực hiện gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương thức trực tuyến, ngoài những yêu cầu về việc có máy tính kết nối mạng internet hay có tài khoản giao dịch trực tuyến, người khởi kiện, người tham gia tố tụng bắt buộc có “chữ ký số” còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, công nhận. Theo đó, người khởi kiện, người tham gia tố tụng cần liên hệ với các nhà cung cấp dịch vụ như: Viettel-CA, FPT-CA, BKAV-CA, Netnam-CA, VNPT-CA... để đăng ký sử dụng dịch vụ chữ ký số.¹⁷ Tại thời điểm Luật Giao dịch điện tử năm 2023 chưa có hiệu lực pháp luật, quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 cũng yêu cầu các bên khi thực hiện giao dịch điện tử phải có “chữ ký điện tử” tại Chương 3. Tuy nhiên, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005 là Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số (Nghị định số 130/2018/NĐ-CP) có đề cập “chữ ký số” khi các bên thực hiện giao dịch điện tử tại Điều 7, Điều 8, Điều 9. Như vậy, quy định giữa các văn bản pháp luật trên đã không có sự thống nhất khi yêu cầu chủ thể thực hiện các giao dịch điện tử phải có “chữ ký”, nhưng là “chữ ký điện tử” hay “chữ ký số”?

Sự thiếu thống nhất này đã tạo nên khó khăn cho các chủ thể khi họ chọn thực hiện các giao dịch hay hoạt động tố tụng thông qua phương thức trực tuyến. Xét về mặt khái niệm, “chữ ký điện tử”

17 Tòa án nhân dân tối cao, “Hướng dẫn gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và đăng ký nhận văn bản, thông báo tố tụng bằng phương thức trực tuyến”, *Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao*, <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/vb-huong-dan?dDoc-Name=TAND055163>, truy cập ngày 24/4/2024.

khác với khái niệm “chữ ký số”. Theo khoản 4 Điều Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP, “chữ ký điện tử” trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính là chữ ký điện tử được tạo lập theo quy định của Luật Giao dịch điện tử để ký thông điệp dữ liệu điện tử và có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu điện tử, xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với thông điệp dữ liệu điện tử được ký. Còn khoản 6 Điều 3 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP nêu rõ: “Chữ ký số là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng, theo đó, người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác: Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa; Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên”.

Theo tác giả, việc sử dụng thuật ngữ “chữ ký số” trong trường hợp người tham gia tố tụng thực hiện gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương thức trực tuyến sẽ hợp lý hơn. Theo khoản 12 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023, “chữ ký số” cũng là một dạng của “chữ ký điện tử” nhưng “chữ ký số” được tạo từ chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Việc yêu cầu thực hiện các bước bảo mật sẽ bảo vệ một cách tốt nhất các thông tin có trong các thông điệp dữ liệu điện tử mà người tham gia tố tụng gửi cho Tòa án. Vì vậy, tác giả kiến nghị các văn bản hướng dẫn thi hành việc gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương thức trực tuyến nên thay “chữ ký điện tử” thành thuật ngữ “chữ ký số” nhằm bảo đảm đúng tính chất tên gọi của chữ ký này, cũng như phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

3.2. Quy định rõ về trình tự thu thập chứng cứ bằng phương thức trực tuyến

Thứ nhất, về quy định tiêu chuẩn để xác định tính xác thực của thông điệp dữ liệu điện tử, khi tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ bằng phương thức trực tuyến, vì mỗi loại thông điệp dữ liệu điện tử có yêu cầu kỹ thuật riêng nên nhà làm luật cần ban hành các quy định hướng dẫn quá trình thu thập, bảo quản, xử lý, chuyển giao và chuyển đổi các thông điệp này. Nhà làm luật có thể tham khảo quy định pháp luật ở Hoa Kỳ về quy trình thực hiện việc thu thập tài liệu, chứng cứ thông qua phương thức trực tuyến. Quy trình này đã được thử nghiệm ở Ohio với một dự án nộp hồ sơ điện tử nhằm

giải quyết lượng hồ sơ vụ việc với số lượng lớn và ở Quận Maricopa (Phoenix, Arizona), nơi có thể tải xuống các mẫu đơn của Tòa án từ bảng thông báo điện tử, quy trình nộp và tiếp nhận tài liệu dưới dạng điện tử.¹⁸ Việc thu thập chứng cứ thông qua phương thức trực tuyến cũng đang được thử nghiệm tại Tòa án Lưu động Maryland và các thủ tục tương tự đang được tiến hành trên toàn liên bang.¹⁹ Tòa án sơ thẩm bang Victoria cho phép thu thập và giao nộp tài liệu qua phương thức trực tuyến bằng cách sử dụng “dịch vụ EDI của Tòa án”, cho phép các công ty luật ban hành quy trình pháp lý và nộp chứng cứ thông qua phương thức trực tuyến tại bất kỳ Tòa án nào ở Victoria từ văn phòng của họ.²⁰

Bên cạnh đó, nhà lập pháp cần quy định tiêu chuẩn riêng áp dụng đối với những thông điệp dữ liệu điện tử nhằm làm căn cứ để xác định tính xác thực, tính tin cậy và tính toàn vẹn của chứng cứ để bảo đảm quá trình thu thập và xử lý diễn ra hợp pháp, giúp cho Tòa án có căn cứ cụ thể để chấp nhận hoặc từ chối giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu điện tử. Do bản chất của thông điệp dữ liệu điện tử rất dễ bị giả mạo và tiêu hủy, nên Tòa án sẽ cần chú trọng về tính xác thực, toàn vẹn của chứng cứ đó. Vì vậy, BLTTDS năm 2015 cần xây dựng nội dung quy định việc Tòa án phải xem xét các vấn đề để đánh giá giá trị sử dụng của thông điệp dữ liệu điện tử như: (i) hệ thống phần mềm/phần cứng nơi nội dung được khởi tạo, thu thập, bảo quản và truyền tải phải bảo đảm độ an toàn và đáng tin cậy; (ii) phương tiện bảo quản phải được xác định cụ thể, các phương pháp, phương tiện bảo quản an toàn phải phù hợp với từng đặc tính của chứng cứ; (iii) nội dung của thông điệp dữ liệu điện tử phải rõ ràng, đầy đủ, nội dung chứng cứ không được thêm hay xóa bớt; (iv) phương thức xác thực nội dung của thông điệp dữ liệu điện tử.

Thứ hai, về quy định trình tự việc thu thập, sử dụng và chuyển giao dữ liệu điện tử xuyên biên giới, các quốc gia khác nhau sẽ ban hành những quy định khác nhau về việc thu thập thông điệp dữ liệu điện tử ở nước ngoài. Để bảo đảm tính xác thực và hợp pháp về giá

18 Allison Stanfield, “Cyber Courts: Using the internet to assist court processes”, *Computer Networks and ISDN Systems*, Vol. 30(1–7), April 1998, tr. 559–566, [https://doi.org/10.1016/S0169-7552\(98\)00067-1](https://doi.org/10.1016/S0169-7552(98)00067-1).

19 The Commission on the Future of the California Courts, *Justice in the balance, 2020/ report of the Commission on the Future of the California Courts*, The Commission, San Francisco, Calif., 1993, tr. 108, <https://widener.locate.ebsco.com/instances/6bf49845-279d-5eba-9fe6-4be50b-fe2002?option=author&query=Johnson%2C%20Stephen%20P.,> truy cập ngày 21/4/2024.

20 Magistrates Court Civil Procedure Rules 2009, <https://nnamdiebolegal.wordpress.com/wp-content/uploads/2017/10/magistrate-court-civil-procedure-rules-2009.pdf>, truy cập ngày 21/4/2024.

trị của chứng cứ, quá trình thu thập mỗi loại dữ liệu cần thỏa mãn quy định riêng, yêu cầu riêng. Cách thức thu thập thông điệp dữ liệu điện tử có ảnh hưởng trực tiếp tới độ tin cậy của chứng cứ, bởi dữ liệu điện tử rất dễ bị thay đổi hoặc hủy bỏ.²¹ Ví dụ, khi thu thập dữ liệu là một đoạn mã (*code*), có thể phải sử dụng phương tiện điện tử thích hợp để lưu trữ, đồng thời giám sát để người thu thập mã không làm thay đổi nội dung đoạn mã. Câu hỏi đặt ra là nếu thông điệp dữ liệu điện tử được thu thập theo quy định hệ thống pháp luật của một quốc gia khác thì liệu Tòa án Việt Nam có chấp nhận thông điệp dữ liệu điện tử đó làm chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự? Vì vậy, nhà làm lập cần ban hành quy định pháp luật về việc thu thập, sử dụng và chuyển giao dữ liệu điện tử xuyên biên giới, cũng như làm rõ các tiêu chí cụ thể để xác định giá trị chứng cứ của các thông điệp dữ liệu điện tử được thu thập ở các khu vực ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Thứ ba, về quy định cho phép sử dụng các công nghệ mới để bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, cần lưu ý rằng thông điệp dữ liệu điện tử có đặc tính dễ thay đổi, chỉnh sửa nên để được thừa nhận là chứng cứ, thông điệp dữ liệu điện tử phải bảo đảm tính toàn vẹn. Tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu điện tử được hiểu là thông điệp dữ liệu điện tử phải giữ nguyên trạng thái và nội dung từ thời điểm thu thập đến thời điểm sử dụng; thông điệp dữ liệu điện tử được bảo vệ khỏi sự làm giả hoặc chi phối từ thời điểm thu thập đến thời điểm sử dụng; mỗi lần truy cập vào thông điệp dữ liệu điện tử phải lưu thông tin truy cập (siêu dữ liệu) và không được làm thay đổi nội dung của thông điệp dữ liệu điện tử; phương tiện lưu trữ phải được bảo vệ khỏi sự can thiệp từ bên ngoài; phải tạo và lưu giữ dấu vết kiểm tra hoặc hồ sơ về tất cả các quy trình áp dụng cho chứng cứ trên máy tính. Để đánh giá được tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử, pháp luật cần quy định cụ thể về trạng thái, điều kiện của từng thiết bị, phương tiện điện tử, hệ thống máy tính. Đồng thời, pháp luật nên có quy định về việc cho phép sử dụng các công nghệ mới để bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu. Ví dụ như công nghệ chuỗi khối ở Trung Quốc là một phương pháp để thu thập dữ liệu điện tử bảo đảm tính xác thực và toàn vẹn²² bởi chuỗi khối vốn có khả năng chống lại việc sửa đổi dữ liệu. Điều này làm cho

21 Hoàng Thị Thảo, “Chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 394, 2023, tr. 35.

22 Chenyang Zhang, Zhu Mengxuan, “How to collect evidence from internet and social media—Guide to China’s Civil Evidence Rules (5)”, *China Justice Observer*, 2020, <https://www.chinajusticeobserver.com/a/how-to-collect-evidence-from-internet-and-social-media>, truy cập ngày 20/4/2024.

chuỗi khối phù hợp với mục đích chứng minh tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử.²³ ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hòa Bình, “Xây dựng Tòa án điện tử tại Việt Nam trong thời gian qua và những định hướng, giải pháp trong thời gian tới”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, 2023 [trans: Nguyen Hoa Binh, “Building e-Court in Vietnam in the past and orientations and solutions in the coming time”, *Electronic People’s Court Magazine*, 2023]
- [2] Nguyễn Minh Hằng, “Tập quán – Nguồn luật hay nguồn chứng cứ”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 9, 2004 [trans: Nguyen Minh Hang, “Custom – Source of law or source of evidence”, *People’s Court Magazine*, No. 9, 2004]
- [3] Deng Heng, Wang Wei, “Research on the identification mechanism of electronic data evidence in litigation procedures”, *Journal of Hunan University of Technology (Social Sciences Edition)*, Vol. 3(26), 2021
- [4] Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thị Hạnh, “Vai trò của thẩm phán trong thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ giải quyết vụ án dân sự”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 4, 2012 [trans: Nguyen Van Linh, Nguyen Thi Hanh, “The role of judges in collecting evidence and building files to resolve civil cases”, *Journal of Legislative Studies*, No. 4, 2012]
- [5] Tuồng Duy Lượng, “Một vài suy nghĩ về vấn đề chứng cứ và chứng minh được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 20, 2004 [trans: Tuong Duy Luong, “Some thoughts on the issue of evidence and proof stipulated in the Civil Procedure Code”, *People’s Court Magazine*, No. 20, 2004]
- [6] Thiều Hữu Minh, “Nghĩa vụ thu thập chứng cứ thuộc đương sự hay Tòa án?”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, 2023 [trans: Thieu Huu Minh, “Does the obligation to collect evidence belong to the litigant or the Court?”, *Vietnam Lawyers Electronic Magazine*, 2023]
- [7] Allison Stanfield, “Cyber Courts: Using the internet to assist court processes”, *Computer Networks and ISDN Systems*, Vol. 30(1–7), April 1998
- [8] Hoàng Thị Thảo, “Chứng cứ từ nguồn dữ liệu điện tử và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 394, 2023 [trans: Hoang Thi Thao, “Evidence from electronic data sources and recommendations for improving related legal regulations”, *Democracy and Law Magazine*, No. 394, 2023].
- [9] The Commission on the Future of the California Courts, *Justice in the balance, 2020/ report of the Commission on the Future of the California Courts*, The Commission, San Francisco, Calif., 1993
- [10] Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, 2019 [trans: Hanoi Law University, *Vietnamese civil procedure law Textbook*, People’s Police Publishing House, 2019]
- [11] Liu Wenli, Zhang Chao, “The dilemma of electronic evidence identification in civil litigation and its solution – from the perspective of private lending”, *Journal of Hunan University of Technology (Social Sciences Edition)*, Vol. 4(27), 2022
- [12] Bi Yuqian, Liu Jinhua, Du Wen, Tao Zhirong, Liu Pengfei, Li Xiaokai, Zhao Fengbao, *Research on the rules of electronic data evidence in civil litigation*, China University of Political Science and Law Press, 2016
- [13] Chenyang Zhang, Zhu Mengxuan, “How to collect evidence from internet and social media – Guide to China’s civil evidence rules (5)”, *China Justice Observer*, 2020

23 Liu Wenli, Zhang Chao, “The dilemma of electronic evidence identification in civil litigation and its solution – from the perspective of private lending”, *Journal of Hunan University of Technology (Social Sciences Edition)*, Vol. 4(27), 2022, tr. 69–75.